TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 9 - 2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh

2. Bà Nguyễn Thị Rạt

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 791/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc N, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng Hữu D, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Lê Thị Ngọc N trình bày tóm tắt như sau:

Chị N và Anh Nguyễn Hồng Hữu D cưới nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/5/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn nên Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với Anh D.

Về con chung: Chị N xác định chị với Anh D có 01 đứa con chung tên Lê Nguyễn Gia B, sinh ngày 21/6/2014. Khi ly hôn, Chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu Anh D cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định hai bên không có tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn Anh Nguyễn Hồng Hữu D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng Anh D không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của Chị N. Anh D cũng không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và phiên hòa giải. Nguyên đơn Lê Thị Ngọc Ngân có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Anh D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện nội dung khởi kiện của Chị N nhưng Anh D không có ý kiến trình bày, không đến Tòa tham gia các phiên họp kiểm tra chứng cứ, hòa giải. Chị N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn Nguyễn Hữu Hồng Duy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc N và Anh Nguyễn Hồng Hữu D cưới nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/5/2015, nên quan hệ hôn nhân của Chị N và Anh D chỉ được pháp luật thừa nhận là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Xét yêu cầu ly hôn của Chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh D đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc Chị N xin ly hôn với anh tại Tòa án nhưng Anh D không có ý kiến, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên Tòa Chị N xác định không còn tình cảm gì với Anh D và cương quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình số 52/2014/QH13, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị N đối với Anh D.

3. Về quyền nuôi con chung: Anh D không có ý kiến nào phản đối yêu cầu của Chị N về người có quyền trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn. Tại phiên tòa, Chị N xác định chị và Anh D có 01 đứa con chung tên Lê Nguyễn Gia B, sinh ngày 21/6/2014. Khi ly hôn, Chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu Anh D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu được nuôi con chung của Chị N là nguyện vọng chính đáng. Hơn nữa từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay Chị N là người trực tiếp nuôi con chung, Chị N vẫn đảm bảo các điều kiện tốt để nuôi dạy và chăm sóc con chung. Do đó, trên cơ sở cân nhắc điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của các bên và để đảm bảo cho sự ổn định, phát triển bình thường của cháu Bảo. Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Bảo cho Chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không có yêu cầu, nên không xem xét.

[2.4]. Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp đương sự có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ tại Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Chị Lê Thị Ngọc N phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 202, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13; Các Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Lê Thị Ngọc N xin ly hôn với Anh Nguyễn Hồng Hữu D.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc N được ly hôn với Anh Nguyễn Hồng Hữu D.

2. Về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Lê Nguyễn Gia B, sinh ngày 21/6/2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Hồng Hữu D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị N không có yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên không trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của bên không trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì Chị N, Anh D, người thân thích của cháu Bảo, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Ngọc N phải chịu 300.000đ. Chuyển 300.000đ tiền tạm ứng án phí Chị N đã nộp theo biên lai thu số 0002816 ngày 11/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang thi hành án phí nên Chị N đã nộp đủ án phí. Anh D không phải nộp án phí.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Minh – Nguyễn Thị Rạt **Bùi Ngọc Tuyến**

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục thi hánh án dân sự huyện Đức Hòa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Ngọc Tuyến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Đào Văn Hùng – Nguyễn Văn Minh

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Ngọc Tuyến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Ghên - Trương Thị Kim Tiến Bùi Ngọc Tuyến